**LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ**

**1. Về lực lượng bảo vệ dân phố**

 Bảo vệ dân phố là lực lượng quần chúng tự nguyện làm nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, được thành lập ở các phường, thị trấn (sau đây gọi chung là phường) nơi bố trí lực lượng Công an chính quy, do Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập.

 Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức của cấp ủy, chính quyền các cấp, lực lượng bảo vệ dân phố đã từng bước được xây dựng, củng cố ngày càng lớn mạnh, có nhiều đóng góp vào nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, là một trong những tổ chức quần chúng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Có thể khái quát quá trình hình thành và phát triển của lực lượng bảo vệ dân phố qua những giai đoạn sau:

 Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Bộ Công an đã ban hành Chỉ thị số 680/TA-HK chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương trong toàn quốc chuẩn bị tiến hành công tác điều tra đăng ký hộ khẩu, trong đó có bước chuẩn bị bầu Tổ trưởng nhân dân và Ban bảo vệ dân phố. Đây là căn cứ quan trọng đánh dấu sự ra đời của lực lượng bảo vệ dân phố toàn quốc nhằm đẩy mạnh công tác trị an ở khu vực địa bàn thành phố, thị xã và củng cố chính quyền ở cơ sở.

 Ngày 23/7/1963, Bộ Công an ban hành Quy định số 143/VP quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động của bảo vệ dân phố. Ở giai đoạn này, Ban bảo vệ dân phố là một tổ chức do đại diện các hộ trong khối nhân dân trực tiếp bầu ra, theo nguyên tắc dân chủ, bỏ phiếu kín. Ban bảo vệ dân phố có từ 03 đến 07 người; trong đó có 01 Trưởng ban và 01 hoặc 02 Phó ban, còn những người khác là ủy viên của ban với nhiệm kỳ hoạt động là 02 năm. Ban bảo vệ dân phố có nhiệm vụ vận động, tổ chức, hướng dẫn nhân dân tiến hành công tác bảo vệ trị an, dưới dự hướng dẫn trực tiếp của Công an khu phố, thị xã: Tổ chức, vận động nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, tham gia phong trào Bảo vệ trị an, đấu tranh chống các bọn gián điệp và các bọn phản cách mạng khác, chống những luận điệu phao đồn tin nhảm, xuyên tạc các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ; chống bọn tội phạm hình sự; vận động, tổ chức nhân dân tham gia công tác giáo dục, cải tạo những người trước kia tham gia tổ chức phản động cũ chưa chịu cải tạo; giáo dục giám sát những người bị quản chế; tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân chấp hành đầy đủ những luật lệ và quy tắc trật tự trị an của thành phố, thị xã; bảo vệ dấu vết nơi xảy ra tai nạn xe cộ, án mạng… và báo cáo ngay cho Công an khu phố, thị xã. Thường xuyên và kịp thời phản ánh tình hình trật tự trị an và ý kiến, nguyện vọng của nhân dân cho cơ quan khu phố, thị trấn; hướng dẫn các Tổ trưởng, Tổ phó nhân dân làm công tác giữ gìn trật tự trị an khu phố…

 Bên cạnh những kết quả công tác đã đạt được, các Ban bảo vệ dân phố chưa thực sự được quan tâm, hướng dẫn, chỉ đạo, dẫn đến hiệu quả hoạt động còn chưa cao. Nhằm khắc phục tình trạng trên, ngày 16/8/1995, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) đã có Quyết định số 521/QĐ-BNV ban hành bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban bảo vệ dân phố thay thế Quy định số 143/VP. Đồng thời, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) cũng ban hành Chỉ thị số 08/BNV-C11 ngày 16/8/1995 về triển khai thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban bảo vệ dân phố. Ở giai đoạn này, Ban bảo vệ dân phố là tổ chức quần chúng được thành lập ở các khu vực dân cư phường, thị trấn; là tổ chức nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc để tổ chức vận động nhân dân trong khu vực thực hiện nghĩa vụ giữ gìn an ninh, trật tự. Nhiệm kỳ hoạt động là 02 năm; cơ cấu tổ chức của Ban bảo vệ dân phố có 01 Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban. Ban bảo vệ dân phố do đại diện các hộ gia đình trong khu vực bầu ra, được chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn ra quyết định công nhận. Trưởng ban, Phó Trưởng ban, các ủy viên, cán bộ bảo vệ dân phố được cấp Giấy chứng nhận theo mẫu thống nhất của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an). Thực hiện Quyết định số 521/QĐ-BNV, lực lượng bảo vệ dân phố trong cả nước không ngừng được xây dựng, củng cố và ngày càng lớn mạnh.

 Về nhiệm vụ của bảo vệ dân phố, đã có một số nội dung thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế và những văn bản quy phạm pháp luật khác như: Phối hợp với lực lượng bảo vệ các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn để cùng bảo vệ an ninh, trật tự tại khu vực. Tổ chức và vận động nhân dân tham gia cảm hóa, giúp đỡ những người đang trong diện cải tạo không giam giữ, quản chế, tù được hưởng án treo, tù tha về đang trong thời gian thử thách, đối tượng giáo dục tại phường, thị trấn ở khu vực chấp hành theo quy định của pháp luật; phát hiện, tuy bắt các đối tượng có lệnh truy nã, trốn thi hành án; vận động thuyết phục đối tượng phạm tội đang lẩn trốn ra tự thú; phối hợp với gia đình, nhà trường, đoàn thể có biện pháp quản lý, giáo dục trẻ em phạm pháp…

Để tiếp tục củng cố, kiện toàn lực lượng bảo vệ dân phố, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự ở địa bàn đô thị trong tình hình mới, ngày 17/4/2006 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2006/NĐ-CP về bảo vệ dân phố. Đây là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chế độ chính sách đối với bảo vệ dân phố. Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 01/3/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 về bảo vệ dân phố. Nghị định số 38/2006/NĐ-CP đã khẳng định: bảo vệ dân phố là lực lượng quần chúng tự nguyện làm nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, được thành lập ở các phường, thị trấn (sau đây gọi chung là phường) nơi bố trí lực lượng Công an chính quy, do Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập; thực hiện một số biện pháp công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, nhằm bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn. Nghị định số 38/2006/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC nêu trên cũng quy định cụ thể về nhiệm vụ của bảo vệ dân phố trong công tác nằm tình hình an ninh trật tự, phát hiện các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, các vụ vi phạm hành chính, vi phạm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường; phản ánh cho cơ quan Công an và Ủy ban nhân dân phường, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn; tham gia hoà giải, giải quyết kịp thời không để những hậu quả xấu xảy ra; phổ biến, tuyên truyền nâng cao cảnh giác, ý thức phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự nhằm vận động nhân dân trong phường tự giác chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy tắc, quy ước, nội quy về bảo vệ an ninh, trật tự; tham gia xây dựng phường, cụm dân cư, hộ gia đình an toàn về an ninh, trật tự, không có tội phạm, tệ nạn xã hội; công tác phối hợp với các lực lượng khác trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm khác về trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật… Mỗi cụm dân cư được thành lập một tổ bảo vệ dân phố. Tổ trưởng và các tổ viên tổ bảo vệ dân phố do đại diện các hộ gia đình trong cụm dân cư bầu ra. Tuỳ vào tình hình đặc điểm và số lượng dân cư trên địa bàn, mỗi tổ bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 tổ viên. Mỗi phường được thành lập một Ban bảo vệ dân phố. Ban bảo vệ dân phố gồm Trưởng ban, các Phó trưởng ban và các Ủy viên. Ủy viên Ban bảo vệ dân phố là tổ trưởng các tổ bảo vệ dân phố ở các cụm dân cư. Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố do tập thể Ủy viên Ban bảo vệ dân phố bầu ra bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trưởng Công an phường có trách nhiệm tổ chức việc bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban, tổ trưởng và các tổ viên bảo vệ dân phố và đề nghị Ủy ban nhân dân phường quyết định công nhận các chức danh trên. Nhiệm kỳ hoạt động của Ban bảo vệ dân phố là 5 năm. Đồng thời, các văn bản này cũng quy định cụ thể chế độ chính sách đối với bảo vệ dân phố: bảo vệ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng do Ủy ban nhân dân phường chi trả; việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ chính sách cho bảo vệ dân phố trong khi làm nhiệm vụ mà bị hy sinh, bị thương; việc trang bị phương tiện cho bảo vệ dân phố.

 Ngày 18/12/2016, Bộ Công an tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm (2006 - 2016) công tác Công an thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP và triển khai thực hiện Chỉ thị số 08/CT-BCA-V28 ngày 01/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an về "Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của bảo vệ dân phố đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới". Hơn 10 năm qua, Bộ Công an, các ban, bộ, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp đã triển khai, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị định số 38/2006/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp và đông đảo Nhân dân về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của bảo vệ dân phố được nâng lên. Lực lượng bảo vệ dân phố được kiện toàn về tổ chức theo đúng quy định, công tác bồi dưỡng, tập huấn pháp luật, nghiệp vụ được thực hiện thống nhất về chương trình, nội dung, phù hợp với thực tiễn; việc bảo đảm các điều kiện hoạt động của bảo vệ dân phố như trang bị vũ khí thô sơ, côg cụ hỗ trợ, phương tiện làm việc, bố trí nơi làm việc, chế độ, chính sách… được quan tâm hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của bảo vệ dân phố. Lực lượng bảo vệ dân phố đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm tốt công tác nắm, phản ánh cho Công an, Ủy ban nhân dân phường tình hình an ninh, trật tự ở địa bàn; tham gia hòa giải, giải quyết kịp thời nhiều vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy tắc, quy ước, nội quy về bảo vệ an ninh, trật tự; tích cực đôn đốc, nhắc nhở nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật quản lý hành chính về trật tự, an toàn phòng cháy, chữa cháy; cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ và quản lý những lỗi lầm tại cộng đồng dân cư; tích cực tham gia phối hợp giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự xảy ra trong địa bàn; tổ chức tuần tra, kiểm soát và tham gia các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm khác về trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn đô thị.

 **2. Về lực lượng Công an xã**

 Trong các thời kỳ cách mạng, lực lượng Công an xã đều giữ vai trò quan trọng, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, trong công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, giữ gìn an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở, lực lượng Công an xã luôn giữ vai trò nòng cốt, xung kích.

 Để bảo đảm cho Công an xã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, Đảng và Nhà nước ta luôn chăm lo, xây dựng và phát triển Công an xã để lực lượng này đủ năng lực làm nòng cốt trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở. Ngay sau khi Cách mạng Tháng tám thành công, ngày 22/11/1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban Sắc lệnh số 63/SL “Về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân” trong đó quy định: “Công việc trị an ở cấp xã do một ủy viên trong Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính xã phụ trách”; ngày 10/10/1950, Bộ Nội vụ ban hành Nghị định số 438 NV/NgĐ, trong đó quy định: “Thành lập tại mỗi xã trong toàn quốc một Ban Công an xã” để giữ gìn an ninh, trật tự trong xã. Ban Công an xã nằm trong hệ thống tổ chức Việt Nam Công an vụ, đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính xã, dưới quyền điều khiển chuyên môn của ty Công an và quận Công an. Đó là những văn bản pháp lý đầu tiên, đặt nền móng quan trọng cho việc xây dựng tổ chức và hoạt động của Công an xã. Từ đó đến nay, trong mỗi giai đoạn cách mạng tiếp theo, các cơ quan chức năng của Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy định và hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Công an xã; cụ thể, trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, Bộ Công an ban hành nhiều văn bản chỉ đạo xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã như: Chỉ thị số 839/CT ngày 30/5/1964 về việc tăng cường và củng cố lực lượng Công an xã; Chỉ thị số 64/CT-B89 ngày 02/1969 về đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, xây dựng xã vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh, trong đó yêu cầu đẩy mạnh công tác xây dựng Công an xã “4 tốt”, sơ kết công tác xây dựng và tổ chức chỉnh huấn cho Công an xã; Chỉ thị số 82/CT-B89 thàng 5/1970 về “nhiệm vụ Công an phục vụ cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của tổ chức xã viên ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc”; Chỉ thị số 97/CT-B89 ngày 21/01/1971 về việc đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an và củng cố Công an xã; Quyết định số 07/QĐ-CA ngày 22/01/1971 ban hành bản Điều lệnh về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và lề lối làm việc của Công an xã; Quy định số 08/QĐ-CA ngày 21/01/1971 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng ban, phó ban và Ủy viên Công an xã, theo đó, các chức danh này được phép xây dựng và sử dụng mạng lưới cơ sở bí mật ở nơi cần thiết. Ngày 07/8/1969, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 137/CP quy định về việc bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã, trong đó có Trưởng Công an xã.

 Sau ngày 30/4/1975, Miền nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Đảng, Chính phủ chủ trương tăng cường xây dựng lực lượng Công an xã để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Chính phủ và các cơ quan chức năng của Nhà nước đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật để quy định, hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Công an xã và chế độ, chính sách đối với Công an xã như:

 - Quyết định tạm thời số 114/QĐ-BNV ngày 20/12/1981 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Công an xã;

 - Quyết định số 137/QĐ-BNV(X13) ngày 12/10/1989 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và lề lối làm việc của Công an xã (thay thế cho Quyết định số 114/QĐ-BNV nêu trên);

 - Quy định số 10/BNV(X13) ngày 28/11/1989 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) về một số chế độ, chính sách đối với Công an xã;

 - Quy định tạm thời số 01/QĐ0BNV(D5) ngày 02/5/1980 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) về chế độ viếng: cán bộ về hưu, Trưởng, Phó Công an xã, bảo vệ dân phố và thân nhân cán bộ, chiến sỹ từ trần;

 - Công văn số 95/CB-CS ngày 27/01/1981 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) về việc bổ sung chế độ viếng thân nhân cán bộ, chiến sĩ từ trần;

 - Quy định tạm thời số 14/QĐ-BNV(X13) ngày 23/7/1986 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (này là Bộ Công an) về chế độ ăn đối với Công an xã trong huấn luyện chính trị, nghiệp vụ;

 - Thông tư liên Bộ số 785/TTLB-QP-NV ngày 30/6/1989 của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) quy định việc phối hợp giữa lực lượng Dân quân tự vệ, Công an xã, phường, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

 - Quyết định số 136/QĐ-BNV(X13) ngày 12/10/1989 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (này là Bộ Công an) về việc cử cán bộ Công an huyện trực tiếp làm Phó trưởng Công an xã;

 - Quyết định số 06/QĐ-BNV(X13) ngày 06/01/1990 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (này là Bộ Công an) về việc cho phép khắc dấu và sử dụng con dấu Công an xã, Công an thị trấn;

 - Chỉ thị số 12/CT-BNV ngày 15/6/1994 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (này là Bộ Công an) về việc tổ chức tập huấn công tác bắt, giam giữ cho Công an phường, xã;

 - Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995 về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn;

 - Quyết định số 554/1998-BCA(V28) ngày 08/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành chương trình huấn luyện Trưởng, Phó trưởng Công an xã;

 - Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

Đến năm 1999, trước yêu cầu mới của nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23/6/1999 về Công an xã (Nghị định số 40/1999/NĐ-CP). Đây là văn bản quy phạm pháp luật quy định đầy đủ, cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và trang bị của Công an xã; về chế độ, chính sách và kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Công an xã; khen thưởng và xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công an xã. Nghị định số 40/1999/NĐ-CP đã xác định: Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách, là công cụ trọng yếu của Đảng và Nhà nước ở xã, thị trấn để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân xã và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Công an cấp trên. Đồng thời, Công an xã có trách nhiệm tham mưu cho cấp ủy Đảng và Ủy ban nhân dân xã về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; làm nòng cốt xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; thực hiện các biện pháp công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn xã. Đặc biệt, về chế độ, chính sách đối với Công an xã, Điều 12 Nghị định số 40/1999/NĐ-CP quy định: "1) Trưởng Công an xã được hưởng phụ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn; 2) Một Phó trưởng Công an xã được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng mức phụ cấp của các chức danh khác thuộc Uỷ ban nhân dân xã quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ; 3) Công an viên được hưởng phụ cấp hàng tháng tối thiểu bằng một phần ba (1/3) phụ cấp của Trưởng Công an xã". Có thể khẳng định, Nghị định số 40/1999/NĐ-CP là công cụ pháp lý quan trọng, tương đối toàn diện về tổ chức và hoạt động của lực lượng Công an xã. Lần đầu tiên Phó trưởng Công an xã được Chính phủ quy định hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước như các chức danh khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, đã tháo gỡ khó khăn, động viên, khuyến khích lực lượng Công an xã tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Để tổ chức triển khai thi hành Nghị định số 40/1999/NĐ-CP, Bộ Công an đã ban hành nhiều văn bản như:

- Thông tư số 08/1999/TT-BCA(V19) ngày 10/8/1999 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định số 40/1999/NĐ-CP;

- Kế hoạch số 1031/KH-BCA(V19) ngày 10/8/1999 về triển khai thực hiện Nghị định số 40/1999/NĐ-CP và Thông tư số 08/1999/TT-BCA(V19) ngày 10/8/1999 của Bộ Công an;

- Thông tư số 06/2000/TT-BCA(V28) ngày 13/8/1999 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 56/1998/NĐ-CP ngày 30/7/1998 của Chính phủ về hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng đối với cá nhân có thành tích trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Công văn số 864/2003/CV-BCA ngày 07/4/2000 hướng dẫn trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ cho Công an xã;

- Quyết định số 746/2006/QĐ-BCA(X14) ngày 28/4/2003 về việc ban hành Chương trình khung đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành Quản lý trật tự xã hội ở địa bàn cơ sở - đào tạo cho đối tượng Trưởng Công an cấp xã;

- Quyết định số 1561/2006/QĐ-BCA(C11) ngày 12/9/2006 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Công an phụ trách xã về an ninh, trật tự;

- Thông tư số 18/2007/TT-BCA ngày 03/10/2007 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng Công an, bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Năm 2005, Quốc hội ban hành Luật Công an nhân dân, theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 27 Luật này thì Công an xã, phường, thị trấn là một cấp trong hệ thống tổ chức của Công an nhân dân; đồng thời, khoản 2 Điều 17 Luật Công an nhân dân quy định: "Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp uỷ Đảng, sự quản lý, điều hành của Uỷ ban nhân dân xã và sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp trên. Tổ chức, hoạt động, trang bị, trang phục, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách đối với Công an xã do pháp luật quy định". Như vậy, lần đầu tiên Công an xã được quy định trong một văn bản luật. Điều đó khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của Công an xã trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở và tạo tiền đề pháp lý cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về Công an xã.

Tuy nhiên, sau 09 năm thi hành, điều kiện tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước đã có nhiều thay đổi căn bản, nhiều quy định của Nghị định số 40/1999/NĐ-CP đã không còn phù hợp, không đáp ứng được yêu cầu của việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở trong tình hình mới. Tại phiên họp thứ 14 ngày 21/11/2008, Pháp lệnh Công an xã đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua. Đây là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất quy định toàn diện, đầy đủ về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động của Công an xã và chế độ, chính sách cũng như những vấn đề khác có liên quan đến lực lượng Công an xã đáp ứng yêu cầu mới của công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Theo đó, Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách, thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã. Công an xã có chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng, Uỷ ban nhân dân cùng cấp về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các biện pháp phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật. Công an xã gồm các chức danh: Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên. Công an viên được bố trí tại thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và bố trí làm nhiệm vụ thường trực tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã. Căn cứ vào quy định khung số lượng của Chính phủ và tình hình thực tế của địa phương, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên từng xã. Trưởng Công an xã được hưởng lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật. Phó trưởng Công an xã và Công an viên được hưởng phụ cấp hàng tháng. Chính phủ quy định khung mức phụ cấp đối với Phó trưởng Công an xã và Công an viên. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định của Chính phủ và thực tế ở địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phụ cấp cụ thể. Pháp lệnh cũng quy định cụ thể về chế độ, chính sách đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên trong khi thi hành nhiệm vụ nếu bị thương hoặc hy sinh, chế độ, chính sách đối với Phó trưởng Công an xã, Công an viên trong thời gian công tác nếu ốm đau được khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và được xem xét hỗ trợ tiền khám, chữa bệnh từ nguồn ngân sách địa phương.

Việc ban hành Pháp lệnh Công an xã là một bước tiến quan trọng trong công tác lập pháp của Nhà nước ta nói chung, lập pháp về Công an xã nói riêng, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho tổ chức và hoạt động của Công an xã, nâng cao vai trò trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng Công an xã, giám sát hoạt động của Công an xã và cộng tác, phối hợp với Công an xã trong bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Để triển khai thi hành Pháp lệnh Công an xã, ngày 07/9/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2009/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã. Nghị định này quy định cụ thể về khung số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên; tiêu chuẩn tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã; chế độ, chính sách và điều kiện vật chất bảo đảm cho hoạt động của Công an xã. Để cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành các thông tư: Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã, Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Công an xã và Thông tư số 15/2010/TT-BCA ngày 24/5/2010 quy định việc điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã ở các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự. Các thông tư này đã quy định cụ thể về xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã; tổ chức, xây dựng lực lượng Công an xã, việc trang bị và tiêu chuẩn, định mức trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị văn phòng, phương tiện giao thông trang bị cho Công an xã.

Năm 2014, Quốc hội ban hành Luật Công an nhân dân. Luật đã nêu: Công an nhân dân gồm lực lượng An ninh nhân dân, lực lượng Cảnh sát nhân dân và Công an xã. Công an xã là lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở. Như vậy, Luật Công an nhân dân năm 2014 đã quy định Công an xã thuộc cơ cấu tổ chức lực lượng Công an nhân dân; khẳng định vị trí, vai trò của Công an xã trong lực lượng Công an nhân dân và trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở.

Năm 2018, Quốc hội ban hành Luật Công an nhân dân. Luật này cũng tiếp tục khẳng định Công an xã là một cấp trong hệ thống tổ chức của Công an nhân dân. Về việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy, Luật giao Chính phủ quy định cụ thể. Còn về các chức danh Công an xã bán chuyên trách được bổ nhiệm, bố trí theo quy định của Pháp lệnh Công an xã kết thức nhiệm vụ và được sử dụng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở, được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Pháp lệnh Công an xã cho đến khi có văn bản quy phạm pháp luật khác; đối với các xã, thị trấn chưa tổ chức công an chính quy thì các quy định về Công an xã tiếp tục được áp dụng theo Pháp lệnh Công an xã và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Như vậy, theo quy định của Luật Công an nhân dân năm 2018 và xuất phát từ yêu cầu thực tế thì cho dù ở xã, thị trấn tổ chức, bố trí Công an chính quy thì vẫn tiếp tục cần có một lực lượng bán chuyên trách được bố trí tại các thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

**3. Lực lượng dân phòng**

Xác định được vị trí, tầm quan trọng của Nhân dân trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đặc biệt là trong giai đoạn đất nước ta chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng và Nhà nước ta có nhiều chủ trương quan trọng về huy động sức mạnh của Nhân dân trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Trong đó, lực lượng dân phòng cũng được xác định là một trong những lực lượng quan trọng trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Lệnh công bố Pháp lệnh quy định việc quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy. Trong Pháp lệnh đã có những nội dung quy định về lực lượng phòng cháy và chữa cháy. Tiếp đó, trong thư khen gửi Đội Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Sở Công an Hà Nội ngày 03/8/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Phải thường xuyên hướng dẫn và bồi dưỡng về nghiệp vụ cho lực lượng dân phòng ngày càng tiến bộ, để họ trở thành người giúp việc thật đắc lực cho các đồng chí". Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự ra đời của lực lượng dân phòng.

Chỉ thị số 35-CT ngày 14/5/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt các chủ trương, biện pháp phát động quần chúng, xây dựng phong trào toàn dân giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, toàn dân tham gia phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội: Để tạo điều kiện cho phong trào ở cơ sở, cần thành lập "Hội đồng bảo vệ trật tự an toàn xã hội" ở phường, xã do Mặt trận Tổ quốc chủ trì và chính quyền địa phương chỉ đạo, củng cố các đội dân phòng. Công an phải hỗ trợ và có trách nhiệm bảo vệ quần chúng trong các hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Cho phép lập "quỹ bảo trợ an ninh trật tự" do sự tham gia đóng góp của nhân dân, các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị kinh tế đóng trên địa bàn phường, xã. Chỉ thị số 35-CT nêu trên chưa quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ, chính sách cho đội dân phòng. Căn cứ vào Chỉ thị số 35-CT nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành các quyết định quy định về tổ chức và hoạt động của đội dân phòng ở xã, phường, thị trấn, trong đó quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của đội dân phòng.

Ngày 19/4/1996, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 237/TTg về việc tăng cường các biện pháp thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy; trong đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các đơn vị có liên quan biên soạn Điều lệ hoạt động của các đội dân phòng và Nghị định xử phạt các hành vi vi phạm quy định an toàn phòng cháy chữa cháy để trình Chính phủ…

Để cụ thể hóa quan điểm của Đảng, Nhà nước về hoạt động của lực lượng phòng cháy, chữa cháy quần chúng, trong đó có lực lượng dân phòng, ngày 21/4/1998, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) ban hành Quyết định số 230/1998/QĐ-BNV(C11) về việc ban hành quy định chế độ huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy đối với lực lượng phòng cháy, chữa cháy quần chúng: Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy (PCCC) nhằm bồi dưỡng và nâng cao kiến thức PCCC cho lực lượng PCCC của quần chúng gồm những người dân làm công tác PCCC ở các khu dân cư (dân phòng) và những người làm việc trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế. Trong đó, đội viên dân phòng là một trong những đối tượng được huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận kết quả huấn luyện về công tác phòng cháy, chữa cháy; Quyết định này cũng quy định về trách nhiệm, quyền lợi của đội viên dân phòng khi tham dự lớp huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy.

Ngày 29/6/2001, Quốc hội đã ban hành Luật Phòng cháy và chữa cháy. Đây là văn bản quy phạm pháp luật có tính pháp lý cao nhất quy định về đội dân phòng. Theo đó, Đội dân phòng là tổ chức gồm những người tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy, giữ gìn an ninh, trật tự ở nơi cư trú. Đây là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất quy định về Đội dân phòng. Theo đó, Đội dân phòng thực hiện 2 chức năng là tham gia phòng cháy và chữa cháy ở nơi cư trú và tham gia giữ gìn an ninh trật tự ở nơi cư trú. Tuy nhiên, tại các văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy và chữa cháy chỉ quy định về các hoạt động, chế độ, chính sách, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng... lực lượng dân phòng liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy ở nơi cư trú; còn các quy định về chức năng của lực lượng dân phòng trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở nơi cư trú chủ yếu được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của các địa phương, cụ thể là quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Qua nghiên cứu quyết định về lực lượng dân phòng của một số tỉnh, thành phố cho thấy: Đội dân phòng có nhiệm vụ thực hiện các biện pháp giữ gìn an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các tai nạn khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của ngành Công an; tổ chức tuần tra, canh gác giữ gìn an ninh, trật tự để phòng ngừa, phát hiện đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội trên địa bàn, các khu vực dân cư theo chương trình, kế hoạch được duyệt của Trưởng Công an cấp xã và theo hướng dẫn của Cảnh sát khu vực, Công an viên…

Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 cũng quy định lực lượng dân phòng là một trong những lực lượng nòng cốt trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy toàn dân; quy định về thành lập, quản lý, chỉ đạo đội dân phòng tại thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tại cơ sở; nhiệm vụ của lực lượng dân phòng; huấn luyện, bồi dưỡng, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, điều động và chế độ, chính sách đối với lực lượng dân phòng. Theo đó, tại thôn, ấp, bản, tổ dân phố phải thành lập đội dân phòng. Đội dân phòng do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã thành lập, quản lý và chỉ đạo. Lực lượng dân phòng và lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; chịu sự điều động của cấp có thẩm quyền để tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy. Lực lượng dân phòng được hưởng chế độ, chính sách trong thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ và khi trực tiếp tham gia chữa cháy theo quy định của Chính phủ.

Sau hơn 10 năm triển khai thi hành, Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 đã đi vào đời sống xã hội, tạo cơ sở pháp lý cho việc xác định trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng cháy, chữa cháy. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập: hoạt động phòng cháy, chữa cháy của lực lượng dân phòng chưa đạt hiệu quả cao như yêu cầu đặt ra. Nguyên nhân một phần do Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 còn thiếu những quy định cụ thể về kinh phí đầu tư, trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cũng như chế độ, chính sách phù hợp cho lực lượng này.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013 được ban hành, nhằm hoàn thiện, nâng cao hơn nữa cơ sở pháp lý và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự nói chung và phòng cháy, chữa cháy nói riêng trong tình hình mới, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Sau khi Quốc hội ban hành Luật, Chính phủ, Bộ Công an, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lực lượng dân phòng như:

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 /11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 48/2015/TT-BCA ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang phục chữa cháy của lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

- Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tổ chức, hoạt động của lực lượng dân phòng đi vào nề nếp, hoạt động hiệu quả. Đây là những văn bản pháp lý cao nhất thể hiện tính kế thừa, tính thực tiễn dựa trên cơ sở yêu cầu phát triển của đất nước với những nguyên tắc mang tính khoa học, tính quần chúng cao, thể hiện vai trò quan trọng của lực lượng dân phòng trong công tác bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sỏ. Như vậy, qua các thời kỳ phát triển của đất nước, lực lượng dân phòng ngày càng được củng cố, phát triển, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao./.